

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D K
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12/5/2022

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUYỆN D K - KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hùng

Bà Nguyễn Thị Mỹ An

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D K, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D K, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện huyện D K, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 287/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26/4/2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H - sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn Hội Ph, xã Bình L, D K, Khánh Hòa. Có mặt

* Bị đơn: Ông Trần Ngọc T - sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn Hội Ph, xã Bình L, D K, Khánh Hòa. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/12/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà **Phạm Thị H** trình bày:

Bà và ông **Trần Ngọc T** tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Diên B (nay là xã Bình L) vào năm 2019. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không hòa hợp về tính cách, lối sống, ông T không quan tâm đến vợ con, thường xuyên đi chơi vào buổi tối, bà nhiều lần khuyên can nhưng ông T không thay đổi. Vào tháng 7/2021, bà có nộp đơn xin ly hôn với ông T nhưng sau đó bà đã rút đơn do ông T hứa thay đổi, mong muốn đoàn tụ nhưng ông T vẫn chứng nào tật nấy dẫn đến vợ chồng hay cãi vã làm cho bà ngày càng mệt mỏi. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông T vì vậy yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung là Trần Ngọc Khánh V, sinh ngày 15/9/2019 và Trần Quốc T1, sinh ngày 01/3/2021. Bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con vì bà có công việc ổn định, đảm bảo khả năng nuôi dưỡng con tốt.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không đến Tòa án làm việc, không có lời khai.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D K, tỉnh Khánh Hòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật, bị đơn không có lời khai, không đến Tòa án làm việc.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị H đối với ông Trần Ngọc T. Giao con chung Trần Ngọc Khánh V, sinh ngày 15/9/2019 và Trần Quốc T1, sinh ngày 01/3/2021 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ghi nhận việc bà H tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Bà H xác định vợ chồng bà không có tài sản chung và nợ chung nên không xét. Bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị H và ông Trần Ngọc T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Diên B (nay là xã Bình L) vào năm 2019 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 09 vào ngày 14/5/2019 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà H xác định trong thời gian chung sống giữa bà và ông T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông T không quan tâm đến vợ con dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc và không thể hàn gắn được; hiện tại, bà không còn tình cảm với ông T; không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân. Quá trình giải quyết vụ án, ông T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án để làm việc điều này thể hiện ông T có thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến quan hệ vợ chồng, không muốn hàn gắn đoàn tụ. Như vậy, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục

đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn.

[3]. Về con chung: Bà H và ông T có 02 con chung là Trần Ngọc Khánh V, sinh ngày 15/9/2019 và Trần Quốc T1, sinh ngày 01/3/2021. Bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, xét thấy cần giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật. Ghi nhận việc bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không giải quyết. Do bị đơn ông Trần Ngọc T chưa có lời khai về vấn đề này nên nếu sau này đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[5]. Về án phí: Bà Phạm Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Phạm Thị H được ly hôn với ông Trần Ngọc T.

2. Về con chung:

Giao con chung Trần Ngọc Khánh V, sinh ngày 15/9/2019 và Trần Quốc T1, sinh ngày 01/3/2021 cho bà Phạm Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ghi nhận việc bà Phạm Thị H tự nguyện không yêu cầu ông Trần Ngọc T cấp dưỡng nuôi con. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Quá trình nuôi dưỡng con chung, bà Phạm Thị H, ông Trần Ngọc T có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; thay đổi cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Bà Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0007609 ngày 17/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D K - tỉnh Khánh Hòa. Bà H đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D K;
- Chi cục THADS huyện D K;
- UBND xã Bình L - D K
(nơi đăng ký kết hôn - Giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 14/5/2019);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Hoa

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

